BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP

KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH TUẤN

GVHD : ĐÀM THỊ HẢI ÂU

SVTH : ĐẶNG THỊ THÁI LY

TP. HỒ CHÍ MINH

Tháng 07/2009

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

1. MỞ ĐẦU

2. TỔNG QUAN

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

MỞ ĐẦU

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Tìm hiểu thực tế công tác tổ chức và hạch toán kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm của Công ty.

Rút ra được các ưu, nhược điểm, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm giúp công tác kế toán hoàn thiện hơn.

Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn nhằm củng cố và nâng cao kiến thức chuyên ngành của mình.

TỔNG QUAN

Giới thiệu chung về công ty:

Tên công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng – Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn

Địa chỉ trụ sở chính: 415/6 - Đường 27/4, KP. Thạnh Sơn, TT. Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đăng ký kinh doanh số: 4902000614 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh xăng dầu, thi công xây dựng các CT dân dụng, giao thông,…

TỔNG QUAN

Tổ chức bộ máy kế toán

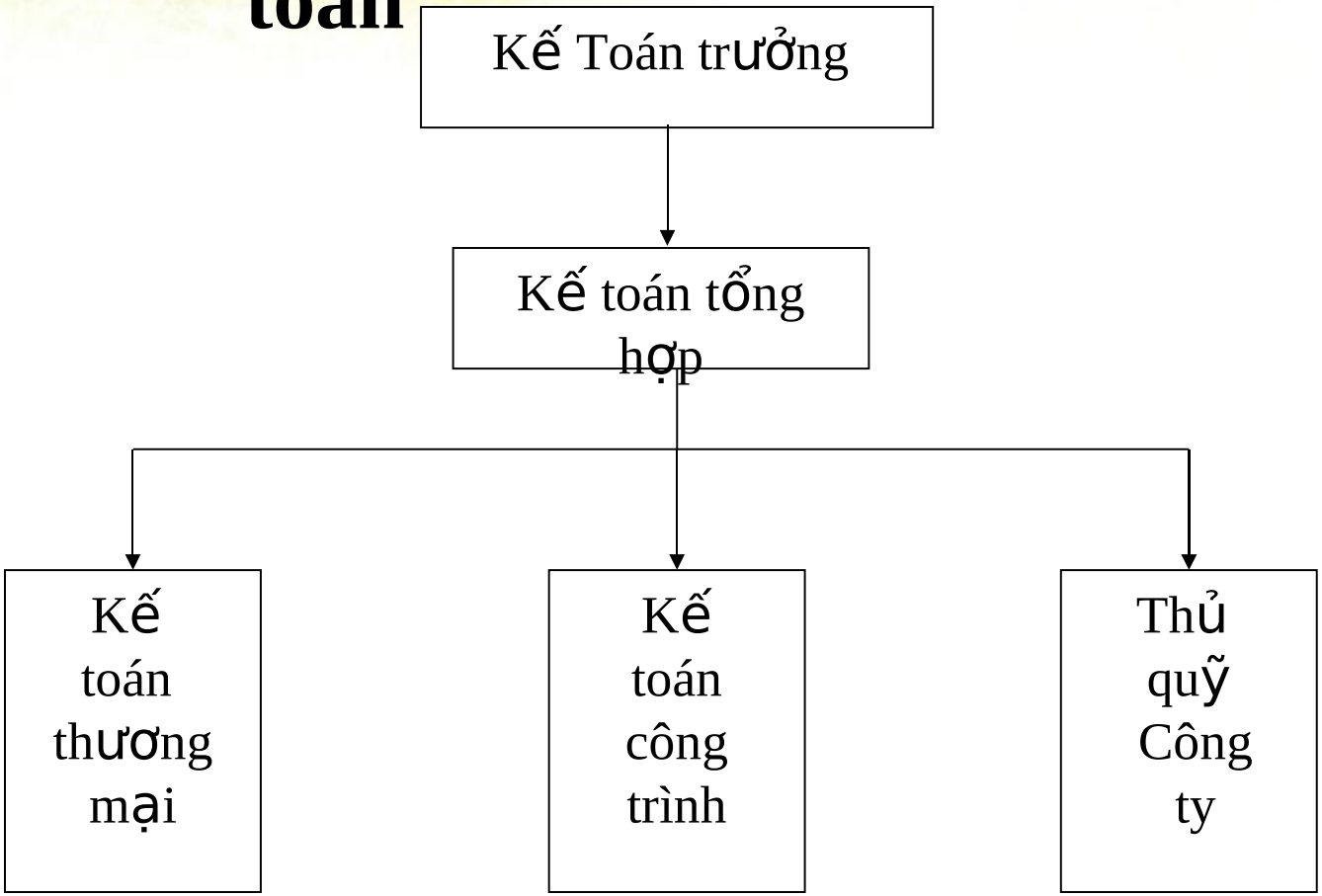

TỔNG QUAN

Các chính sách kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng: Theo QĐ 15/QĐ-BTC

Hình thức kế toán: Kế toán tập trung

Áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Niên độ kế toán là năm (bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm)

Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Tính giá vật liệu tồn kho theo phương pháp FIFO

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Đối tượng và phương pháp tập hợp CPSX

Đối tượng tập hợp CPSX của Công ty là từng công trình, hạng mục công trình theo đúng đơn đặt hàng.

Công ty tập hợp chi phí theo phương pháp ghi trực tiếp đối với tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến từng công trình.

Gồm các khoản mục:

- CP NVL trực tiếp: tập hợp vào TK 621
- CP NC trực tiếp: tập hợp vào TK 622
- CP MTC và CP SXC: tập hợp vào TK 627

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Đối tượng và phương pháp tính giá thành

Đối tượng tính Z của Công ty là công trình, HMCT đã xây lắp xong đến giai đoạn cuối cùng của quy trình công nghệ

Công ty tính giá thành theo phương thức trực tiếp.
Khi sản phẩm hoàn thành, tổng CP theo đối tượng hạch toán chính là Z đơn vị sản phẩm.

Công thức như sau:

Tổng giá thành sản phẩm = Tổng CPSX phát sinh trong kỳ

Kỳ tính giá thành được xác định khi CT xây dựng hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng.

Kế toán chi phí NVL trực tiếp

Đặc điểm và phương pháp quản lý NVL

CP NVL trực tiếp sử dụng cho thi công CT bao gồm:

Vật liệu chính: gạch, gỗ, cát, xi măng, sắt, thép,…

Vật liệu phụ: đinh, kẽm, que hàn,....

Công ty theo dõi NVL chính và phụ trên cùng TK 152

Công ty không tồn trữ NVL sẵn mà khi nhận được đơn đặt hàng hoặc trúng thầu Công trình thì mới tiến hành mua.

Kế toán sử dụng TK 621 – “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp” để tập hợp tất cả chi phí nguyên vật liệu đã sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất sản phẩm

Kế toán chi phí NVL trực tiếp (tt)

Sơ đồ hạch toán chi phí NVL trực tiếp của Công ty

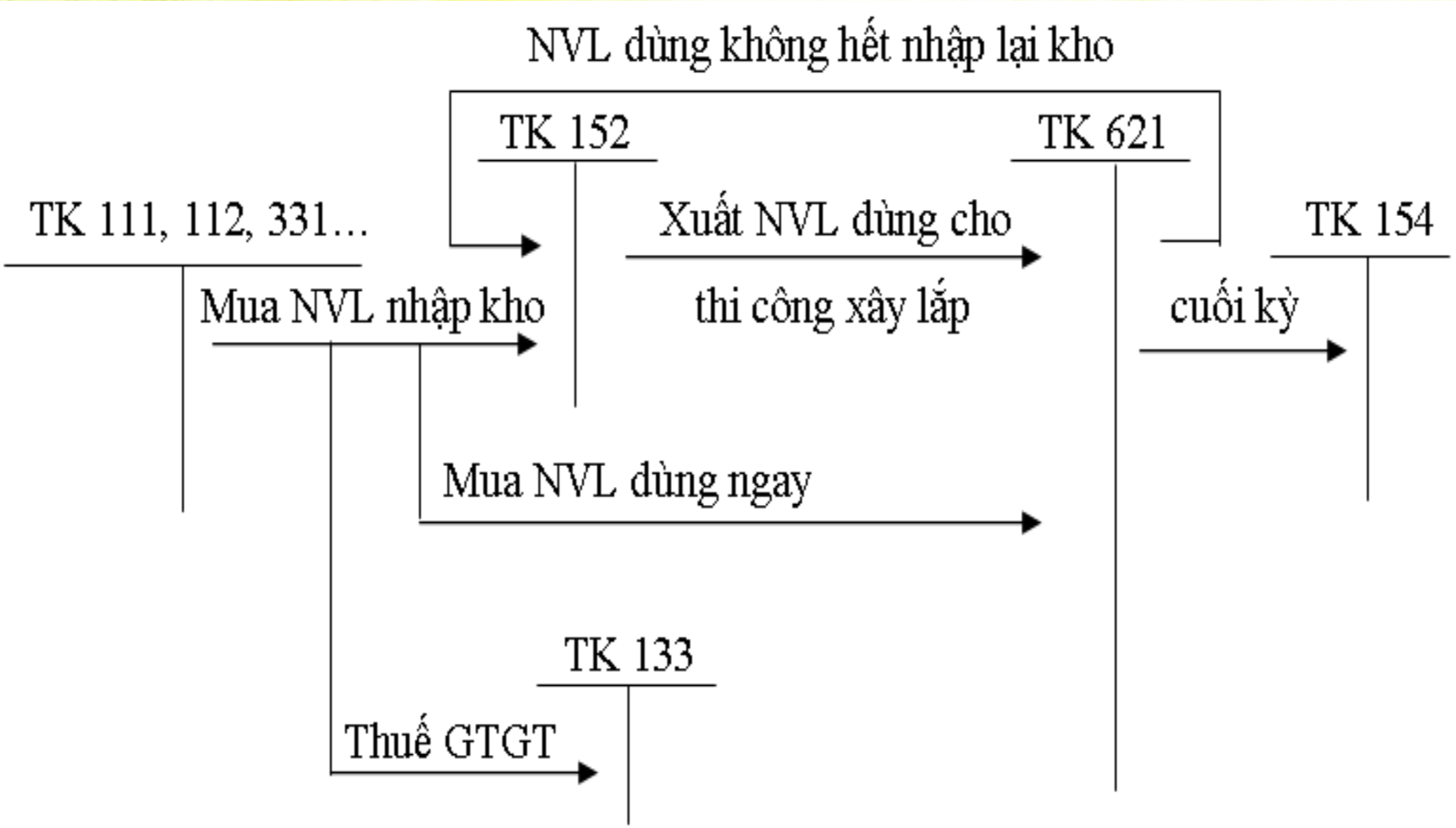

Kế toán chi phí NVL trực tiếp (tt)

Một số nghiệp vụ kinh tế cụ thể tại Công ty

Ngày 02/06/09, căn cứ vào phiếu đề nghị vật tư đã được duyệt của công tình Tân Lâm số YC1005_TL02 ngày 25/05/2009, kế toán lập phiếu xuất kho số PX_1006.TL001 **(phụ lục 01)**

Nợ TK 621TL 1.299.231.893 đ

Có TK 152TL 1.299.231.893 đ

Đồng thời, căn cứ vào phiếu đề nghị vật tư số YC1005_TL02 đã được duyệt,kế toán tiến hành mua vật tư xuất thẳng ra công trình

Ngày 04/06-09, sau khi nhận hàng trực tiếp tại công trình, căn cứ vào hóa đơn đi kèm AA/2008-T số 018820 **(phụ lục 02)** kế toán hạch toán:

Nợ TK 621TL 8.800.000 đ

Nợ TK 133 440.000 đ

Có TK 331_BT 9.240.000 đ

huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu

PHIẾU ĐỀ NGHỊ VẬT TƯ

Ngày 25 tháng 05 năm 2009

Số: YC1005_TL02

Tên bộ phận: Công trình Trường Tân Lâm

Lý do đề xuất: xuất hàng cho nhu cầu công trình tháng 06

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng		Ghi chú
			Đề nghị	Thực nhận	
1	sắt D8	kg	4,500		
2	sắt D6,4	kg	4,800		
3	sắt D10	kg	6,500		
4	sắt D12	kg	4,850		
5	sắt D16	kg	2,350		
6	sắt D20	kg	410		
7	đá hạt	m3	100		
8	xi măng	tấn	30		
9	gạch ống loại 1	viên	5,000		
10	gạch ống loại 2	viên	12,000		
11	gạch đinh loại 1	viên	18,000		
12	gạch đinh loại 2	viên	12,000		
13	cát bê tông	m3	100		
14	sắt hộp 40*80 1,2 li	kg	2,320		
15	cát xây	m3	70		
16					
17					
	TỔNG CỘNG				

KẾ TOÁN

Võ Đình Tuấn Anh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH TUẤN

Nguyễn Thái Thanh

GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH

TRẦN HỮU NGHĨA

QUẢN LÝ VẬT TƯ

LÂM ĐẠO XUÂN CHÍNH

CTY TNHH XD TM.DV MINH TUẤN
huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 02/06/2009

-Từ kho Kho tổng
- Họ tên người nhận hàng :

Số: PX_1006.TL001

Tham chiếu: Tan Lam

-Lý do x Xuất sơn, eke, ván, xăng thơm

Số	Tên vật tư	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Đến kho	Bộ phận
1	sắt D8	kg	4,500	16,709.00	75,190,500	Tân lâm	
2	sắt D6,4	kg	4,800	10,801.00	51,844,800	Tân lâm	
3	sắt D10	kg	6,500	11,428.57	74,285,705	Tân lâm	
4	sắt D12	kg	4,850	17,456.00	84,661,600	Tân lâm	
5	sắt D16	kg	2,350	301,347.00	708,165,450	Tân lâm	
6	sắt D20	kg	410	543,900.00	222,999,000	Tân lâm	
7	đá hạt	m3	30	123,000.00	3,690,000	Tân lâm	
8	gạch ống loại 1	viên	3,000	458.20	1,374,600	Tân lâm	
9	gạch ống loại 2	viên	6,000	379.50	2,277,000	Tân lâm	
10	xi măng	tấn	30	1,218,315.00	36,549,450	Tân lâm	
11	thép phi 6,4	kg	800	10,801.00	8,640,800	Tân lâm	
12	thép phi 8,0	kg	1,500	11,003.50	16,505,250	Tân lâm	
13	thép D12	kg	550	10,541.27	5,797,699	Tân lâm	
14	cát bê tông	m3	50	145,000.78	7,250,039	Tân lâm	
TỔNG CỘNG					1,299,231,893		

Bằng chữ: bốn trăm sáu mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi một ngàn, chín trăm ba mươi tám đồ

BRVT, ngày 6 tháng 6 năm 2009

Kế toán trưởng

Đỗ Phú Khu

Thủ kho

Người nhận

Lâm Đạo Xuân Linh

BCMC

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XAY DỰNG & KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ : 33 - Từ Văn Tư - Phan Thiết - Bình Thuận (ĐT: 062-822060)

Mã số thuế : 3400164336

HÓA ĐƠN (GTGT)

Liên 2 : (Giao khách hàng)

Ngày 4 tháng 6 năm 2009

Mẫu số 01 GTKT-3LL-01

Ký hiệu: AA/2008-T

Số: 018820

Họ và tên người mua hàng: Nguyễn Thị Thuận

Đơn vị: Cty TNHH XD TM và DV Minh Tuấn

Địa chỉ: 495/6 Đường 27/4 Thị Trấn Phước Bửu ~~Số tài khoản~~: BRVT

Hình thức thanh toán: Hoàn Tiền MST: 3500644689

STT	TÊN HÀNG HÓA-DỊCH VỤ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gạch ống 80 I	V	2.000	457,143	914286
2	Gạch thẻ 80 I	V	18.000	438,095	7885714
	(Hai nghìn viên 80I Mười tám nghìn viên thẻ 80I)				
				Cộng tiền hàng:	8.800.000
Thuế suất GTGT: 10X5%				Tiền thuế GTGT:	440.000
				Tổng tiền thanh toán:	9.240.000
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu hai trăm bốn chục nghìn đồng					

In tại Công ty TNHH Giấy Vi Tính Liên Sơn_ĐT: (08) 9 100 555

Người mua hàng | Người viết phiếu | Kế toán trưởng | Thủ trưởng đơn vị

CTY TNHH TM DV XD MINH TUẤN
Phước Bửu_Xuyên Mộc_Bà Rịa Vũng Tàu
MST: 3500644689

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số TL06/05
THÁNG 06/2009

Công trình Trường THCS Tân Lâm

Số CT	Ngày CT	Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
			Nợ	Có		
PX_1006.TL001	02/06/2009	Xuất NVL	621TL	152TL	1,299,231,893.00	
HD 8820	04/06/2009	Mua gạch loại I chuyển thẳng CT	621TL	331_BT	8,800,000.00	
HD 22190	06/06/2009	Mua gạch loại II chuyển thẳng CT	622TL	331_BT	7,542,857.00	
HD 166674	25/06/2009	Mua NVL chuyển thẳng CT	627TL	331_MP	56,037,800.00	
		Cộng			***1,371,612,550.00***	

BRVT, ngày 30 tháng 6 năm 2009

Kèm theo .....5..... Chứng từ gốc

Người lập

Võ Anh Tuấn Anh

Kế toán trưởng

Lê Phú Khu

CÔNG TY TNHH XD.TM.DV MINH TUẤN			SỔ CÁI		Mẫu số S02C2-DN (Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-TC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)	
			TK621TL: Chi phí NVL trực tiếp			
CÔNG TRÌNH TRƯỜNG THCS TÂN LÂM			**Tháng 06 năm 2009**			
Ngày ghi sổ	**Chứng từ ghi sổ**		**Diễn giải**	**TK đối ứng**	**Số tiền**	
	Số	**Ngày**			**Nợ**	**Có**
			Số dư đầu kì		**0**	
30/06/2009	TL06/02	06/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/02	152TL	1.299.231.893	
				331_BT	8.800.000	
				331_BT	7.542.857	
				331_MP	56.037.800	
30/06/2009	TL06/05	06/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/05	154TL		1.371.612.550
			Cộng phát sinh trong kỳ		**1.371.612.550**	**1.371.612.550**
			Số dư cuối kì		**0**	

Nguồn tin: Phòng kế toán tài vụ

Kế toán chi phí NVL trực tiếp (tt)

Nhận xét:

-Ưu điểm

+ Công ty sử dụng phương pháp tập hợp CP trực tiếp theo từng công trình nên số liệu kế toán được thể hiện một cách rõ ràng theo từng công trình cụ thể

+ Cần vật đến đâu Công ty mua đến đó nên không bị lãng phí tiền vốn, đồng thời tránh thất thoát, tiêu hao và ít tốn kém chi phí lưu kho, bãi.

+ Kế toán hạch toán các nghiệp vụ kinh tế đúng theo quy định của chế độ kế toán

Kế toán chi phí NVL trực tiếp (tt)

Nhận xét:

- Nhược điểm

+ Công ty theo dõi chung NVL chính và NVL phụ trên cùng TK 152 gây khó khăn cho việc theo dõi từng loại NVL

+ Công ty không dự trữ sẵn NVL nên nhiều lúc không chủ động được về NVL

+ Bộ phận kế toán đã kiêm nhiệm vụ mua hàng, nhận hàng và ghi chép vào sổ sách, đã vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm.

Kế toán chi phí NC trực tiếp

Hình thức trả lương

Công ty hiện đang áp dụng hình thức trả lương theo thời gian

Tiền lương phải trả trong tháng = **Mức lương ngày** * **Số ngày làm việc trong tháng**

Trả lương làm thêm giờ:

Lương làm thêm = **Mức lương ngày/8** * **Số giờ làm thêm**

Kế toán chi phí NC trực tiếp (tt)

Hình thức trả lương

-Tiền lương được thanh toán 1 lần vào cuối tháng đối với cán bộ quản lý, công nhân viên văn phòng

- Đối với công nhân trực tiếp sản xuất sẽ được trả lương 2 tuần 1 lần.

- Các khoản trích theo lương theo quy định chỉ thực hiện đối với cán bộ quản lý, công nhân viên văn phòng.

- Người lao động trực tiếp thường là công nhân thuê ngoài
nên không thực hiện các khoản trích theo lương

-Kế toán sử dụng TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp tham gia thi công CT

Kế toán chi phí NC trực tiếp (tt)’

Sơ đồ hạch toán chi phí NC trực tiếp

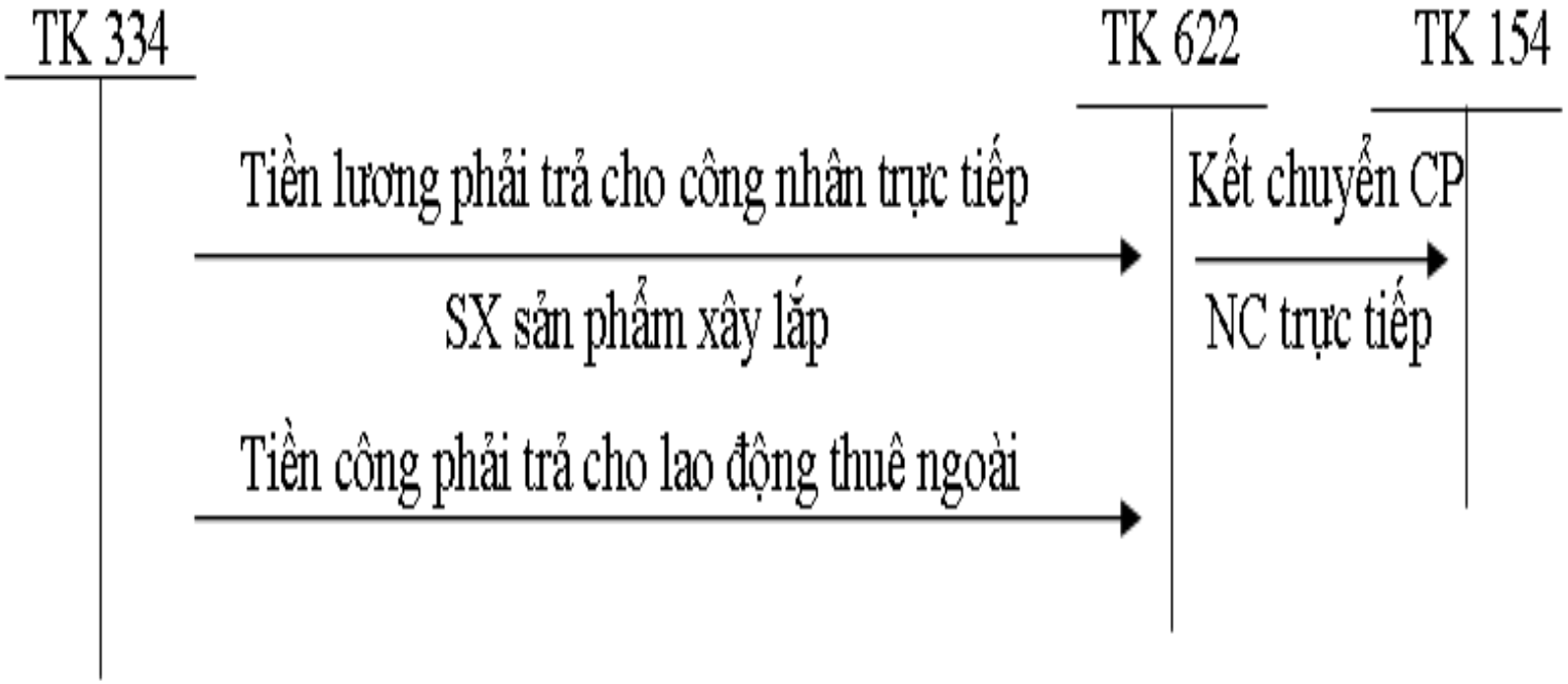

Kế toán chi phí NC trực tiếp (tt)

Những nghiệp vụ kinh tế cụ thể phát sinh tại Công ty:

Ngày 16/6/2009, căn cứ vào BCC do đội trưởng đội thi công CT Trường THCS Tân Lâm gửi về, kế toán lập bảng thanh toán tiền nhân công đợt 1 và hạch toán chi phí NC trực tiếp phải trả:

Nợ TK 622TL 86.855.000 đ

Có TK 334TL 86.855.000 đ

Kế toán lập phiếu chi PC1006-090 để chi tiền lương cho công nhân:

Nợ TK 334TL 86.855.000 đ

Có TK 111 86.855.000 đ

Thanh toán lương đợt 2 cũng tương tự.

TY TNHH TM DV XD MINH TUẤN
hước Bửu_Xuyên Mộc_Bà Rịa Vũng Tàu
IST: 3500644689

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số TL06/03
THÁNG 06/2009

Công trình Trường THCS Tân Lâm

Số CT	Ngày CT	Trích yếu	SH TK Nợ	SH TK Có	Số tiền	Ghi chú
Bảng lương	16/06/2009	CP lương đợt 1 cho nhân công trực tiếp xây dựng trường THCS Tân Lâm	622TL	334TL	86,855,000.00	
Bảng lương	30/06/2009	CP lương đợt2 cho nhân công trực tiếp xây dựng trường THCS Tân Lâm	622TL	334TL	83,995,000.00	
		Cộng			*170,850,000.00*	

BRVT, ngày 30 tháng 6 năm 2009

Kèm theo ..... 6 ..... Chứng từ gốc

Người lập

Võ Đình Tuấn Anh

Kế toán trưởng

Lê Phú Hữu

CÔNG TY TNHH XD.TM.DV MINH TUẤN	SỔ CÁI	Mẫu số S02C2-DN (Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-TC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)
CT TRƯỜNG THCS TÂN LÂM	TK622TL: Chi phí NC trực tiếp Tháng 06 năm 2009	

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kì		0	
30/06/2009	TL06/03	06/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/03	334	86.885.000	
				334	83.995.000	
30/06/2009	TL06/05	06/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/05	154TL		170.880.000
			Cộng phát sinh trong kỳ		170.880.000	170.880.000
			Số dư cuối kì		0	

Nguồn tin: Phòng kế toán tài vụ

Kế toán chi phí NC trực tiếp (tt)

Nhận xét:

- Công ty hạch toán chi phí nhân công trực tiếp theo từng đối tượng cụ thể và theo từng công trình giúp Công ty quản lý và kiểm soát chặt chẽ hơn về chi phí nhân công.

- Trả lương theo ngày công làm việc thực tế là hình thức trả lương đơn giản, dễ tính và phù hợp với công nhân thuê ngoài.

-Tuy nhiên bảng thanh toán tiền lương chưa có chữ ký của Giám đốc như vậy là chưa phù hợp với quy định

Kế toán chi phí SXC

Nguyên tắc hạch toán

- CP SXC liên quan đến CT nào thì tập hợp trực tiếp cho CT đó.
- Công ty không có đội MTC riêng biệt, mọi CP phát sinh liên quan đến hoạt động của MTC đều được hạch toán vào CP SXC.
- Công ty tính khấu hao TSCĐ là năm, theo phương pháp khấu hao đường thẳng

$$\textbf{Mức khấu hao TB năm} = \frac{\textbf{Nguyên giá TSCĐ}}{\textbf{Thời gian sử dụng}}$$

Sơ đồ hạch toán CP SXC

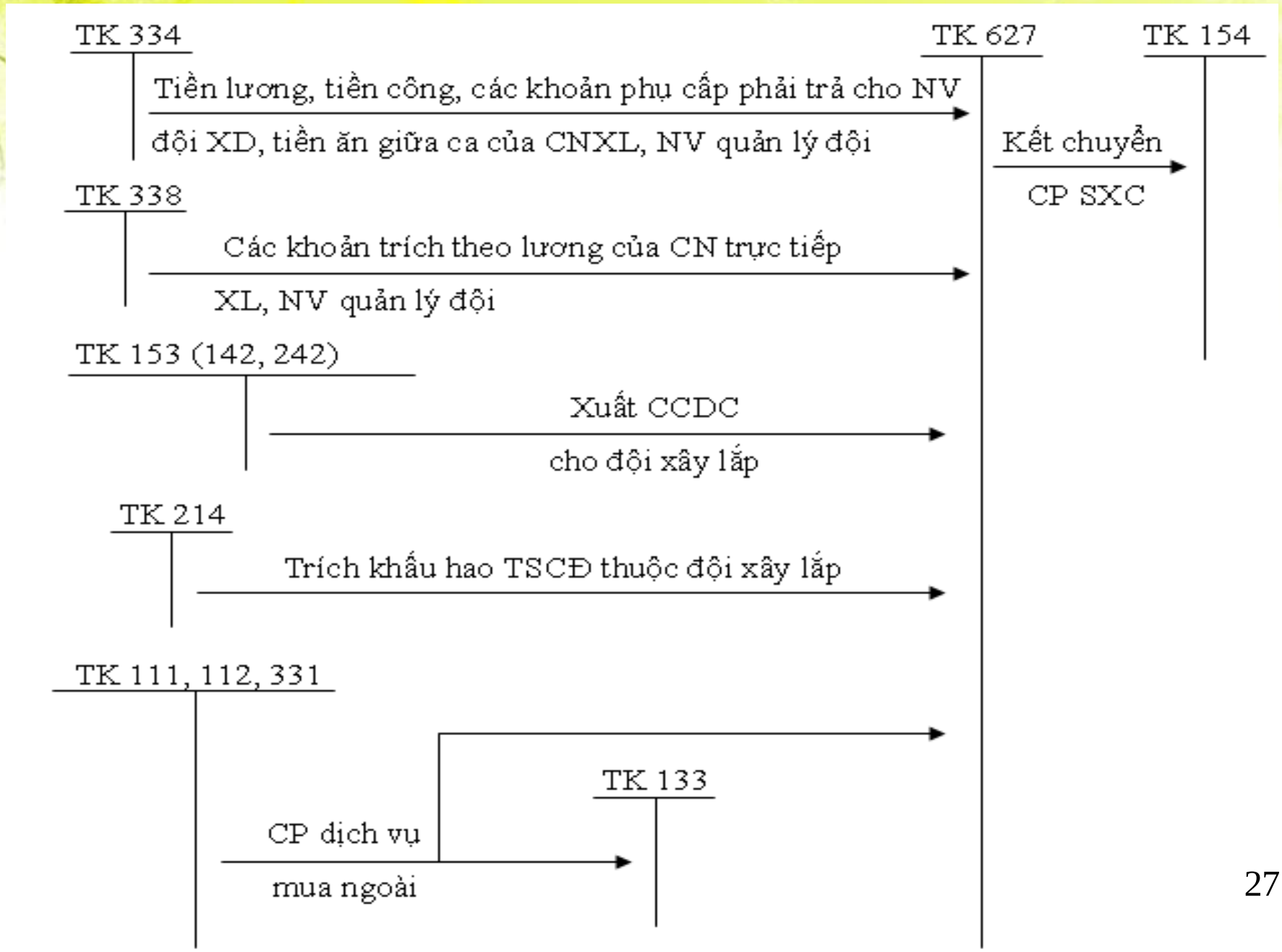

Kế toán chi phí SXC (tt)

Những nghiệp vụ kinh tế phát sinh cụ thể tại Công ty:

Ngày 12/06/2009 hóa đơn 0012684 chi phí giao tế phục vụ CT Trường THCS Tân Lâm, kế toán hạch toán: **(phụ lục 10)**

Nợ TK 627TL 3.350.000 đ

Có TK 331TTT 3.350.000 đ

Ngày 30/06/2009 căn cứ hóa đơn 1661960 và 1661975 tiền nước phục vụ công trình Trường THCS Tân Lâm **(phụ lục 11)**, kế toán hạch toán:

Nợ TK 627TL 977.000 đ

Nợ TK 133 48.850 đ

Có TK 331N 1.025.850 đ

CTY TNHH TM DV XD MINH TUẤN
Phước Bửu_Xuyên Mộc_Bà Rịa Vũng Tàu
MST: 3500644689

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số TL06/04
THÁNG 06/2009

Công trình Trường THCS Tân Lâm

Số CT	Ngày CT	Trích yếu	SH TK		Số tiền	Ghi chú
			Nợ	Có		
HĐ 195678+195602	08/06/2009	**Điện sử dụng tại CT**	627TL	331EVN	3,131,110.00	
HĐ 12684	12/6/2009	Chi phí giao tế	627TL	331TL	3350000	
HĐ01661960+16619	30/06/2009	Chi phí nước phục vụ CT	627TL	331N	977,000.00	
HD 79022	30/06/2009	CP tiền ăn trưa cho công nhân CT	627TL	331TTT	18,930,000.00	
Bảng tính lương	30/06/2009	CP lương nhân viên quản lý tại CT	627TL	334TL	23,600,000.00	
Bảng khấu hao TSCĐ	30/06/2009	Trích CP khấu hao TSCĐ tháng 06	627TL	214	1,158,333.00	
		Cộng			***51,146,443.00***	

BRVT, ngày 30 tháng 6 năm 2009

Kèm theo .....6..... Chứng từ gốc

Người lập

Võ Đình Tuấn Anh

Kế toán trưởng

Lê Phúc Khu

CÔNG TY TNHH XD.TM.DV MINH TUẤN	**SỔ CÁI**	Mẫu số S02C2-DN (Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-TC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)		
	TK627TL: Chi phí SXC			
CT TRƯỜNG THCS TÂN LÂM	**Tháng 06 năm 2009**			

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kì		**0**	
30/06/2009	TL06/04	06/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/04	331EVN	3.131.110	
				331TTT	3.350.000	
				331N	977.000	
				331LDC	18.930.000	
				334TL	24.497.000	
				214	1.158.333	
30/06/2009	TL06/05	06/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/05	154TL		52.043.443
			Cộng phát sinh trong kỳ		**52.043.443**	**52.043.443**
			Số dư cuối kì		**0**	

Nguồn tin: Phòng kế toán tài vụ

Kế toán chi phí SXC (tt)

Nhận xét:

-Công ty tập hợp chi phí SXC theo từng công trình và sử dụng phương pháp tập hợp trực tiếp qua đó số liệu được thể hiện một cách rõ ràng, cụ thể

- Công ty không sử dụng TK 623 – "Chi phí sử dụng MTC" để tập hợp các CP liên quan đến việc sử dụng máy móc thi công mà lại hạch toán chung vào TK 627 – "Chi phí sản xuất chung" như vậy là không đúng với quy định của chế độ kế toán, đồng thời sẽ gây khó khăn cho BGĐ khi muốn theo dõi riêng từng khoản mục CP.

Kế toán tổng hợp, phân bổ, kết chuyển CP SX

Định kỳ cuối tháng, từ những CP liên quan đến giá thành SP, kế toán tiến hành kết chuyển vào Tài khoản Chi phí SXKD DD 154

Cụ thể kết chuyển CP tháng 06 năm 2009:

Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp:

Nợ TK 154TL 1.371.612.550 đ

Có TK 621TL 1.371.612.550 đ

Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp:

Nợ TK 154TL 170.880.000 đ

Có TK 622TL 170.880.000 đ

Kết chuyển chi phí SXC:

Nợ TK 154TL 52.043.443 đ

Có TK 627TL 52.043.443 đ

CHỨNG TỪ GHI SỔ

CÔNG TRÌNH TRƯỜNG THCS TÂN LÂM

Số: TL06/06

Tháng 06 năm 2009

Số CT	Ngày CT	Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
			Nợ	Có		
		Kết chuyển CP NVL trực tiếp	154TL	621TL	1.371.612.550	
		Kết chuyển CP NC trực tiếp	154TL	622TL	170.880.000	
		Kết chuyển CP SXC	154TL	627TL	52.043.443	
		Cộng			**1.594.535.993**	

Nguồn tin: Phòng kế toán tài vụ

CÔNG TY TNHH XD.TM.DV
MINH TUẤN

SỔ CÁI

Mẫu số S02C2-DN
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-TC
ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

TK154TL: Chi phí SXKDDD

CT TRƯỜNG THCS TÂN LÂM

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
31/03/2009	TL03/06	03/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL03/06	621TL	1.883.122.903,50	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL03/06	622TL	212.296.889,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL03/06	627TL	169.857.338,00	
30/04/2009	TL04/06	04/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL04/06	621TL	2.000.000.815,75	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL04/06	622TL	215.438.328,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL04/06	627TL	168.158.763,00	
31/05/2009	TL05/06	05/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL05/06	621TL	1.728.352.135,78	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL05/06	622TL	210.012.928,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL05/06	627TL	112.554.751,00	
30/06/2009	TL06/06	06/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/06	621TL	1.371.612.550,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/06	622TL	170.880.000,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL06/06	627TL	52.043.443	
31/07/2009	TL07/06	07/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL07/06	621TL	983.828.067,28	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL07/06	622TL	155.979.335,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL07/06	627TL	52.379.450,00	
31/08/2009	TL08/06	08/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL08/06	621TL	979.718.770,60	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL08/06	622TL	151.707.190,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL08/06	627TL	61.556.749,00	
30/09/2009	TL09/06	09/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL09/06	621TL	786.683.208,20	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL09/06	622TL	141.973.372,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL09/06	627TL	55.678.990,00	
31/10/2009	TL10/06	10/2009	Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL10/06	621TL	317.932.548,90	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL10/06	622TL	91.438.958,00	
			Chuyển từ chứng từ ghi sổ số TL10/06	627TL	55.037.516,00	
			Cộng phát sinh trong kỳ		**12.127.348.000,01**	
			Số dư cuối kì		**12.127.348.000,01**	

Ngày 20 tháng 11 năm 2009

Kế toán trưởng

Lê Phúc Khu

Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MINH TUẤN

Nguyễn Hải Hòa

Tính giá thành sản phẩm

Số dư cuối kỳ của TK 154 lũy kế đến tháng 10 năm 2009 ta có được giá thành của Công trình. Kế toán lập phiếu tính giá thành:

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Tháng 08/2009

Tên Công trình	SPSXKD DD ĐK	CP SXKD phát sinh trong kỳ			Giá thành CT (154)
		621	622	627	
Trường THCS Tân Lâm	0	10.051.251.000,51	1.349.727.000	726.370.000	12.127.348.000

Nguồn tin: Phòng kế toán tài vụ

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết luận

▪ Về ưu điểm:

- Công ty có bộ máy tổ chức quản lý và bộ phận kế toán tương đối gọn nhẹ, năng động, hình thức kế toán tập trung phù hợp với đặc điểm SXKD của Công ty

-Công ty sử dụng PMKT tự xây dựng theo hình thức Chứng từ ghi sổ giúp cho việc hạch toán kế toán nhanh chóng, kịp thời và chính xác

Kết luận (tt)

- **Về nhược điểm:**

-Công ty không sử dụng Sổ Chi Tiết mà chỉ sử dụng Sổ Cái, tuy nhiên Sổ Cái của Công ty lại mang bản chất của Sổ Chi Tiết

- Công ty không có bộ phận chuyên cung ứng vật tư cho công trình thi công

-Khi hạch toán CP sử dụng MTC Công ty không sử dụng TK 623 – "Chi phí sử dụng MTC" mà hạch toán chung vào TK 627 – "Chi phí sản xuất chung"

Kiến nghị

- Công ty nên tổ chức thêm bộ phận cung ứng vật tư, BP kế toán nên bố trí thêm 1 số vị trí kế toán.

Công ty nên chỉnh sửa tên của Sổ Cái thành Sổ Chi Tiết cho phù hợp với bản chất của Sổ hơn, đồng thời nên đưa vào sử dụng Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

- Công ty nên đưa vào sử dụng TK 623 để theo dõi các khoản chi phí trực tiếp liên quan đến việc sử dụng MTC.

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN

SỰ QUAN TÂM THEO DÕI CỦA THẦY CÔ VÀ CÁC BẠN

© TemplatesWise.com